

Bản án số: 15/2019/HS-ST.

Ngày: 29-8-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lâu.

Ông Trần Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Liên-Kiểm sát viên

Ông Lâm Hol-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28-8-2019 và ngày 29-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 26-4-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 22-7-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/HSST-QĐ ngày 07-8-2019 đối với các bị cáo:

1. Phan Hồng L; Tên gọi khác: L; Sinh năm: 1982; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Trung Đ (sống) và bà Nguyễn Thị Ngọc C (sống); Có vợ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến ngày 23-4-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: T; Sinh ngày: 15-6-1982; Nơi sinh: Huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (sống) và bà Vũ Thị H (sống); Có vợ là bà Trần Thị L, sinh năm 1985, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Có

01 tiền sự: Ngày 20-4-2017, Nguyễn Văn T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 92.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển hàng cấm” theo Quyết định xử phạt hành chính số 1864/QĐ8-XPHC (chưa nộp phạt); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

3. Trần Thanh H; Tên gọi khác: T; Sinh ngày: 01-01-1984; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (sống) và bà Nguyễn Thị H (sống); Có vợ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân bị cáo đã từng có 02 tiền án nhưng đã được xóa án tích: 1. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2005/HS-ST ngày 21-10-2005 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Trần Thanh H bị xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; 2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2010/HS-ST ngày 23-6-2010 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh, Trần Thanh H bị xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

4. Nguyễn Hoàng C; Tên gọi khác: L; Sinh ngày: 11-02-1990; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (sống) và bà Nguyễn Thị D (sống); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân bị cáo đã từng có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 268/2010/HS-ST ngày 30-11-2010 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hoàng C bị xử phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23-7-2018 đến ngày 26-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

5. Nguyễn Văn T1; Tên gọi khác: T1 M; Sinh ngày: 29-10-1998; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Phan Thị C (sống); Có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HS-ST ngày 19-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, Nguyễn Văn T1 bị xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày 19-4-2017 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-7-2018 đến ngày 25-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

6. Phạm Ngọc N; Tên gọi khác: L; Sinh ngày: 19-6-1995; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (sống) và bà Lê Thị V

(sống); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

7. Trần Ngọc T2; Sinh ngày: 16-6-1986; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn N (sống) và bà Cao Thị L (sống); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24-7-2018 đến ngày 27-7-2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

8. Phan Hải Đ; Tên gọi khác: CĐ; Sinh năm: 1993; Nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp M, xã MT, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Hồng A (sống) và bà Đinh Thị P (sống); Có vợ là bà Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-7-2018 chuyển sang tạm giam, đến ngày 26-01-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo L cho đến nay. (có mặt)

9. Nguyễn Thị K; Tên gọi khác: K; Sinh năm: 1967; Nơi sinh: Huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Có chồng là ông Tô Chiến Q, sinh năm 1960 (đã ly hôn), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất 1991; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân bị cáo đã bị 02 lần xử phạt vi phạm hành chính đến nay đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính: 1. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPVPHC ngày 23-10-2013 của Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng, Nguyễn Thị K bị xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển hàng cấm”; 2. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPVPHC ngày 19-6-2014 của Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng, Nguyễn Thị K bị xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi “Kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu”; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14-9-2019 cho đến nay. (có mặt)

10. Nguyễn Phú V; Sinh năm: 1980; Nơi sinh: Quận N, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khóm H, Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Nguyễn Thị Điều H (sống); Có vợ là bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1980, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án: Không; Có 01 tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPVPHC ngày 29-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Nguyễn Phú V bị xử phạt 85.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu”; Nhân thân bị cáo có 01 lần xử phạt vi phạm hành chính đến nay đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 08-10-2013 của Công an thành phố S, tỉnh

Sóc Trăng, Nguyễn Phú V bị xử phạt 2.600.000 đồng về hành vi “Mua bán hàng cấm và kinh doanh bán lẻ thuốc lá không có giấy phép kinh doanh”; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28-01-2019 đến ngày 01-02-2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

11. Nguyễn Hoàng N1; Sinh ngày: 16-10-1982; Nơi sinh: Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Huỳnh Thị Mỹ N (sống); Có vợ là bà Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1982, có 01 người con, sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03-12-2018 cho đến nay. (có mặt)

12. Sơn Quốc A; Sinh ngày: 29-01-1995; Nơi sinh: Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm H, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sơn Anh H (sống) và bà Lý Thị H (sống); Có vợ là bà Giang Xuân Đ, sinh năm 1996, có 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22-11-2018 cho đến nay. (có mặt)

* *Người bào chữa cho các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H và Phan Hải Đ: Ông Nguyễn Vĩnh P-luật sư của Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)*

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng C và Trần Ngọc T2: Bà Trần Lê Q-luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)*

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Ngọc N: Ông Nguyễn Văn U-luật sư của Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)*

* *Bị hại: Ông Nguyễn Hoàng N1; Sinh ngày: 16-10-1982; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Phú V; Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Khóm H, Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà NLQ2; Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

3. Bà NLQ3; Sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

4. Bà NLQ4; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Khu vực T, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

5. Ông NLQ5; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

6. Ông NLQ6; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

* *Người làm chứng:*

1. Ông NLC1; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NLC2; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông NLC3; Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Ông NLC4; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Ông NLC5; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 05-2018, thông qua sự giới thiệu của NLC3, Nguyễn Phú V mua của Phan Hồng L 18.000 bao thuốc lá điều nhập lậu gồm các nhãn hiệu Scott, Hero, Jet tại địa bàn tỉnh Bạc Liêu với số tiền 268.000.000 đồng nhưng V chưa trả tiền cho L nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, L nhờ NLC3 tìm V dùm và NLC3 nhờ lại NLC4 tìm V giúp cho L. NLC4 liên lạc qua điện thoại thì V hứa trả tiền cho L nhưng không thực hiện. NLC4 tiếp tục giới thiệu Nguyễn Thị K để L làm quen và nhờ giúp đỡ.

Đến ngày 18-6-2018, L cùng Nguyễn Văn T, Trần Thanh H và NLC5 (lái xe) đến gặp Nguyễn Thị K tại quán cà phê T thuộc địa bàn ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi trao đổi, Nguyễn Thị K hứa giúp L bằng cách giả vờ đặt mua thuốc lá điều nhập lậu của V và đến khi V giao thuốc lá thì Nguyễn Thị K sẽ thông báo cho L đến gặp V để đòi nợ. Sau đó, Nguyễn Thị K đã điện thoại cho V đặt mua thuốc lá 03 loại Scott, Hero, Jet nhưng không nói số lượng cụ thể, V đồng ý bán và thỏa thuận sẽ giao thuốc lá tại nhà Nguyễn Thị K vào đêm 19-6-2018, Nguyễn Thị K đã báo cho L biết thông tin này.

Vào lúc khoảng 13 giờ ngày 19-6-2018, sau khi đã liên hệ mua thuốc lá điều nhập lậu của bà NLQ4 ở quận O, thành phố Cần Thơ, V điện thoại cho Nguyễn Hoàng N1 kêu đi vận chuyển thuốc lá (V thuê N1 vận chuyển 01 chuyến với giá tiền là 3.000.000 đồng), sau đó N1 thông báo cho Sơn Quốc A biết để cùng đi với N1. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 19-6-2018, N1 điều khiển ô tô nhãn hiệu Toyota Innova mang biển kiểm soát 83A-xxx.xx (N1 thuê xe ô tô của người khác) chở Quốc A đi quận O để nhận thuốc lá như thỏa thuận với V. Đến vào lúc khoảng 20 giờ cùng ngày, N1 đến quận O và cho xe đỗ trên lề Quốc lộ để chờ xe V đến. Một lúc sau, V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10

mang biển kiểm soát 51G-xxx.xx đến gặp N1 và đưa cho N1 số tiền 70.000.000 đồng để trả tiền mua thuốc lá cho NLQ4. Sau khi nhận tiền, N1 kêu Quốc A điều khiển xe đến nhà NLQ4 để nhận thuốc lá. Tại nhà NLQ4, N1 gặp NLQ5 (là con NLQ4), N1 giao số tiền 70.000.000 đồng cho NLQ 5, rồi NLQ 5 giao thuốc lá ra xe cho N1 và Quốc A với số lượng là 700 cây (trong đó, 550 cây thuốc lá hiệu Scott và 150 cây thuốc lá hiệu Hero). Nhận thuốc lá xong, Quốc A điều khiển xe chở N1 chạy về, N1 điện thoại thông báo cho V là đã nhận thuốc lá xong. Khi đến khu vực ngã ba phường L, quận O thì gặp V chạy xe đi trước dẫn đường, mục đích khi có Công an chốt chặn thì thông báo cho N1. Khi qua 02 trạm thu phí O và C thì V điều khiển xe chạy trước trả tiền thu phí cho xe của N1 vì sợ khi xe N1 hạ kính xe xuống trả tiền thu phí sẽ dễ bị phát hiện có chở thuốc lá nhập lậu. Khi qua khỏi trạm thu phí C, V không dẫn đường cho xe N1 nữa, V điện thoại kêu N1 chở thuốc lá về giao cho Nguyễn Thị K, N1 nói không biết nhà thì V kêu chạy đến N thì điện thoại cho V để V chỉ đường và còn dặn khi đến nơi thì thông báo cho V đồng thời nhận tiền bán thuốc lá cho đem về cho V. Để tránh bị Công an phát hiện, N1 hướng dẫn Quốc A chạy xe theo hướng Quận lộ Phụng Hiệp-huyện MT-N, N1 điện thoại thông báo cho V biết, V chỉ địa điểm giao thuốc lá, tiếp đó V điện thoại cho Nguyễn Thị K biết là khoảng 10 phút nữa xe giao thuốc lá đến.

Đối với Phan Hồng L, sau khi được Nguyễn Thị K thông báo cho biết về thời gian, địa điểm V xuống giao thuốc lá, L rủ thêm Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Nguyễn Hoàng C, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ đi xuống Sóc Trăng để gặp V đòi nợ, L thuê 02 xe ô tô thuê của người khác để cả nhóm làm phương tiện đi xuống Sóc Trăng (gồm xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios mang biển kiểm soát NL51F-xxx.xx và xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner mang biển kiểm soát NL51A-xxx.xx). Khi đi tất cả đều biết rõ xuống Sóc Trăng gặp V để đòi nợ và L có nói bằng mọi giá phải lấy được tiền và có mang theo các hung khí gồm 01 cây kiếm, 01 cây rựa, 01 súng bút tự chế, 01 bình xịt hơi cay. Đồng thời, cả hai xe ô tô đều được gắn biển kiểm soát giả chồng lên biển kiểm soát thật, cụ thể xe Vios gắn biển kiểm soát giả là 51G-xxx.xx và xe Fortuner gắn biển kiểm soát giả là 72A-xxx.xx. Đến vào lúc khoảng 22 giờ ngày 19-6-2018, L điều khiển xe ô tô Vios chở N, T1, Đ dừng xe ở cây xăng đối diện cửa nhà Nguyễn Thị K; còn T điều khiển xe ô tô Fortuner chở H, C, T2 xuống thành phố B để liên hệ với Trương Kiến P là người mà T nhờ gặp V để đòi nợ cho L nhưng không gặp được P nên nhóm của T chạy xe quay về đỗ ở Bến xe thị trấn P, huyện T để chờ thông tin của L.

Đến vào lúc khoảng 22 giờ 30 phút ngày 19-6-2018, Quốc A và N1 đến nhà Nguyễn Thị K để giao thuốc lá, N1 ra hiệu cho Quốc A lùi xe vào nhà Nguyễn Thị K để chuẩn bị giao thuốc lá, rồi N1 xuống xe đứng vệ sinh cặp lộn. Lúc này, Nguyễn Thị K điện thoại cho L biết việc V giao thuốc lá. L điện thoại cho T biết thông tin, thì H, C xuống xe đi bộ về hướng nhà của Nguyễn Thị K đi ngang qua mặt của N1 để kiểm tra có phải là V không, còn L và T cũng chạy xe đến. Nhóm của L nhằm N1 là V nên khi thấy N1 đi về hướng xe ô tô Innova chở thuốc lá thì H và C chạy đến không chế bắt giữ N1, N1 chống cự bỏ chạy ra giữa

lộ thì H, C rượt theo xô, đè N1 xuống lộ, N1 chống cự thì T và T2 cầm cây kiếm chạy đến hỗ trợ khống chế N1, T2 cầm cây kiếm vung lên đe dọa chém N1 sau đó đưa cây kiếm cho C cầm tiếp tục khống chế N1, lúc này L điều khiển xe chở N, T1, Đ chạy đến hỗ trợ khống chế bắt giữ và đẩy N1 lên xe để chở đi Bạc Liêu, T1 cầm cây rựa cùng N, Đ, H, C khống chế bắt giữ N1 đưa lên xe ô tô Vios mà L đang đợi sẵn. Trong lúc cả nhóm khống chế bắt giữ N1, T phát hiện trên xe ô tô Innova có thuốc lá và chìa khóa để sẵn trên xe, T quay ra thông báo cho cả nhóm biết, lúc này trong nhóm có người nói “lấy xe đi luôn” thì T lấy xe Innova chạy về hướng Bạc Liêu. Sau khi T1, Đ, N khống chế bắt giữ đẩy N1 lên xe ô tô Vios, do xe không khóa chốt cửa nên N1 đã mở cửa bỏ chạy ra ngoài, thấy vậy N cầm súng bút rượt theo và bắn một phát đạn trúng vào thắt lưng bên trái của N1, N1 bỏ chạy một đoạn vấp té, đứng lên và chạy tiếp trốn vào trong nhà của người dân gần đó, rồi điện thoại cho V biết việc xe chở thuốc lá bị người khác lấy. Sau khi N1 chạy thoát thì cả nhóm của L lên xe ô tô chạy về hướng Bạc Liêu, trong đó T là người lái xe ô tô Innova 83A-xxx.xx. Khi đến địa phận tỉnh Bạc Liêu, nhóm của L dừng xe lấy biển kiểm soát 51G-xxx.xx (biển giả) từ xe Vios gắn chông lên biển số thật của xe Innova 83A-xxx.xx, rồi cùng nhau tiếp tục chạy về huyện Đ, tỉnh Long An. Đối với Nguyễn Thị K chạy vào nhà. Đối với Quốc A thì điện thoại thông báo sự việc cho V biết, nghe vậy V liền điện thoại cho Nguyễn Thị K, thì K đưa điện thoại cho Quốc A nói chuyện, lúc này Nguyễn Thị K biết nhóm của L đã cướp xe có thuốc lá. Sau khi nhóm của L đi được khoảng 05 phút thì N1, Quốc A đi đến quán cà phê ngồi và điện thoại thông báo tình hình bị cướp cho V; ông Trương Quốc T chủ quán cà phê điện thoại cho Công an huyện T, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, L và T đã đem bán cho bà NLQ2 520 cây thuốc lá hiệu Scott (do quá trình vận chuyển thất lạc 30 cây) được số tiền là 65.520.000 đồng, bán cho bà NLQ3 150 cây thuốc lá hiệu Hero được số tiền là 21.300.000 đồng, tổng số tiền bán thuốc lá có được là 86.820.000 đồng đều được L dùng để trả tiền mua thuốc lá cho người khác. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova mang biển kiểm soát 83A-xxx.xx thì T đem về tỉnh Đồng Nai thuê người khác sơn sửa lại màu khác rồi tiếp tục sử dụng. Đối với 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 lấy được trên xe của N1 thì N lấy sử dụng sau đó làm hỏng và bỏ lại tại nhà của L.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh, khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, trưng cầu giám định, định giá và tiến hành điều tra vụ việc theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Sau đó, vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3858/HĐĐGTSTTHS ngày 05-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Sóc Trăng, kết luận:

- 01 xe ô tô con, loại Innova, nhãn hiệu Toyota, màu nâu-vàng (đã được sơn lại màu bạc), số máy 1TR6592825, số khung RL4XW41G789004xxx, mang biển kiểm soát 83A-xxx.xx; Tỷ lệ còn lại: 33,35%; Giá trị quy định thời điểm

năm 2018: 719.000.000 đồng; Giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm bị xâm hại: 239.786.500 đồng (719.000.000 đồng x 33,35%); Giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc: 365.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động, loại Iphone 6, nhãn hiệu Apple (loại 16GB), màu vàng-đồng, được mua vào tháng 5-2018 (điện thoại lúc mua đã qua sử dụng từ trước) giá 3.000.000 đồng (giá tại thời điểm xảy ra vụ việc).

Tổng giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm bị xâm hại: 368.000.000 đồng.
Tổng giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm bị xâm hại: 242.786.500 đồng.

Tại Công văn số 1373/HĐĐG-STC ngày 23-4-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự tỉnh Sóc Trăng xác định: Giá trị thực còn lại của chiếc xe Innova, biển kiểm soát 83A-xxx.xx là 365.000.000 đồng là giá trị thực của xe tại thời điểm định giá theo giá thị trường với chất lượng còn lại 60%, đã hao mòn 40%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3946/HĐĐGTSTTHS ngày 10-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Sóc Trăng, kết luận:

- 550 cây thuốc lá nhãn hiệu SCOTT; Đơn giá 140.000 đồng/cây (550 cây x 140.000 đồng/cây) = 77.000.000 đồng.

- 150 cây thuốc lá nhãn hiệu HERO; Đơn giá: 168.000 đồng/cây (150 cây x 168.000 đồng/cây) = 25.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại: 102.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/TgT-PY ngày 01-8-2018 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Hoàng N1 do thương tích gây nên là 04%.

Tại Kết luận giám định số 3392/C09B ngày 21-8-2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Ống kim loại gửi giám định là súng tự chế hình bút, không phải súng quân dụng, không rõ nơi sản xuất. Súng có cấu tạo gồm các bộ phận như sau: Nòng súng (đồng thời là buồng chứa đạn) liên kết bằng ren vặn với thân súng (gồm: chốt cài, kim hỏa và lò xo). Cơ chế hoạt động: Súng bắn phát một với loại đạn thể thao cỡ 5,6 mm.

- Viên đạn gửi giám định là đạn thể thao cỡ 5,6 mm x 15,6 mm (cấu tạo gồm: đầu đạn, vỏ đạn, thuốc nổ và kíp nổ), sử dụng cho các loại súng có cỡ nòng 5,6 mm như: Súng thể thao TOZ8, các loại súng tự chế có đường kính trong nòng 5,6mm và sử dụng được cho loại súng hình bút nêu trên. Viên đạn nêu trên không phải đạn sử dụng cho súng quân dụng.

- Vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn đã bắn thuộc loại đạn cỡ 5,6 mm (đạn thể thao) và được bắn ra từ cây súng hình bút nêu trên.

Qua kết quả điều tra, cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định bổ sung quyết định khởi tố hình sự về các tội “Cướp tài sản”, “Không tố giác tội phạm”, “Buôn bán hàng cấm” và “Vận chuyển hàng cấm”. Sau

đó, cơ quan điều tra đã ra các quyết định khởi tố bị can đối với Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2, Phan Hải Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị K về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); quyết định khởi tố bị can Nguyễn Phú V về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Hoàng N1, Sơn Quốc A về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2, Phan Hải Đ, Nguyễn Phú V, Nguyễn Hoàng N1, Sơn Quốc A, Nguyễn Thị K thống nhất với các kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Các bị cáo đã khai nhận hành vi đã thực hiện như trên.

Ngoài ra, bị cáo V khai nhận ngoài lần buôn bán thuốc lá điều nhập lậu như trên thì trước đó còn N lần thực hiện buôn bán thuốc lá điều nhập lậu với K và với người khác. Đối với các bị cáo N1 và Quốc A khai nhận ngoài lần vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho V như trên thì trước đó còn N lần thực hiện vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho V. Đối với NLC2 khai nhận có cùng đi với Quốc A nhưng không biết việc Quốc A vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu và NLC1 khai nhận có đi cùng Quốc A vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu nhưng không nhớ cụ thể thời gian, số lượng. Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ để chứng minh nên không đề nghị xử lý.

Đối với hành vi của mua bán thuốc lá điều nhập lậu của Phan Hồng L, NLQ4, NLQ2, Sơn B, NLQ6, NLQ5 thì cơ quan điều tra đã thông báo thông tin về tội phạm cho cơ quan điều tra thành phố Bạc Liêu, quận O, quận T, thành phố P, thành phố B xem xét theo thẩm quyền. Đồng thời, cơ quan điều tra đã giao trả cho chủ sở hữu các ô tô mà Phan Hồng L, Nguyễn Phú V, Nguyễn Hoàng N1 đã thuê, cầm cố rồi sử dụng trong vụ án.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSST-P2 ngày 24-4-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc N, Trần Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với Nguyễn Thị K về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với Nguyễn Phú V về tội “Buôn bán hàng” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với Nguyễn Hoàng N1 và Sơn Quốc A về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2, Phan Hải Đ, Nguyễn Phú V, Nguyễn Hoàng N1, Sơn Quốc A, Nguyễn Thị K khai nhận hành vi đã thực hiện như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Nguyễn Hoàng N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo L, T, H, N, T1, C, T2 và Đ; đồng thời, N1 yêu cầu các bị cáo này có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 là 3.000.000 đồng, chi phí điều trị thương tích là 500.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 69.500.000 đồng; N1 xác định đã nhận được số tiền bồi thường do các bị cáo L, T, Hải, N, T1, C, T2 và Đ giao nộp là 38.000.000 đồng và yêu cầu các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường cho N1 số tiền là 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Nguyễn Phú V không yêu cầu các bị cáo L, T, H, N, T1, C, T2 và Đ bồi thường thiệt hại.

* Khi luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Hồng L. Xử phạt bị cáo Phan Hồng L từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Đồng thời, tổng hợp hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 17-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An để buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh H. Xử phạt bị cáo Trần Thanh H từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C từ 08 đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; khoản 5 Điều 65; Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 08 đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Đồng thời, buộc bị cáo T1 chấp hành hình phạt 02 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HS-ST ngày 19-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và tổng hợp hình phạt với bản án này.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Ngọc N. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N từ 08 đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Ngọc T2. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T2 từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Hải Đ. Xử phạt bị cáo Phan Hải Đ từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị K. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phú V. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N1 từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Sơn Quốc A. Xử phạt bị cáo Sơn Quốc A từ 03 đến 04 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí và tuyên quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng trong vụ án.

* Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H và Phan Hải Đ trình bày như sau: Xuất phát của vụ án này là do giao dịch không hợp pháp giữa bị cáo L và bị cáo V và việc bị cáo V không trả tiền cho bị cáo L. Nên bị cáo L rủ rê các bị cáo khác đi đòi nợ, L giữ vai trò chính trong vụ án. Do đó, người bào chữa thống nhất về việc đại diện Viện kiểm sát đánh giá vai trò của các trong bị cáo trong vụ án, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng cho các bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo L mức án 10 năm tù; bị cáo T mức án 09 năm tù; bị cáo H; mức án 08 năm tù; bị cáo Đ 07 năm tù. Đồng thời, việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị các bị cáo L, T, H, N, T1, C, T2 và Đ liên đới tiếp tục bồi

thường cho N1 số tiền là 35.000.000 đồng, cũng như buộc bị cáo L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 86.820.000 đồng để sung quỹ nhà nước là đúng quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng C và Trần Ngọc T2 trình bày như sau: Thống nhất với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo C và T2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo C và T2 trong vụ án là không lớn, các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo T2 07 năm tù và xử phạt bị cáo C 08 năm tù.

* Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Ngọc N trình bày như sau: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo T1 và N về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cũng như việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T1. Tuy nhiên, qua xem xét vai trò của các bị cáo T1 và N trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo T1 và N mức án 08 năm tù.

* Nói lời sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo L, T, H, C, T1, N, T2, Đ, K, V, N1 và Quốc A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa tại phiên tòa: Xét những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào các điều 292, 293 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền T hành tố tụng, người có thẩm quyền T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan

có thẩm quyền T hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã nêu. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[4] Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng tháng 05-2018, Nguyễn Phú V mua của Phan Hồng L 1800 cây thuốc lá điều nhập lậu gồm các nhãn hiệu Scott, Hero, Jet tại địa bàn tỉnh Bạc Liêu với số tiền 268.000.000 đồng nhưng V chưa trả tiền nên L nhờ N người liên lạc với V để đòi nợ nhưng không liên lạc được với V, sau đó L được giới thiệu làm quen với Nguyễn Thị K. Đến ngày 18-6-2018, L cùng Nguyễn Văn T, Trần Thanh H và NLQ5 (lái xe) đến gặp Nguyễn Thị K nhờ giúp đỡ để gặp được V. Sau khi trao đổi, Nguyễn Thị K hứa giúp L bằng cách giả vờ đặt mua thuốc lá điều nhập lậu của V và đến khi V giao thuốc lá thì Nguyễn Thị K sẽ thông báo cho L đến gặp V để đòi nợ. Sau đó, Nguyễn Thị K đã điện thoại cho V đặt mua thuốc lá 03 loại Scott, Hero, Jet nhưng không nói số lượng cụ thể, V đồng ý bán và thỏa thuận sẽ giao thuốc lá tại nhà Nguyễn Thị K vào tối ngày 19-6-2018, K đã báo cho L biết thông tin này. Vào lúc khoảng 13 giờ ngày 19-6-2018, sau khi đã liên hệ mua thuốc lá điều nhập lậu, V thuê Nguyễn Hoàng N1 đi vận chuyển thuốc lá từ quận O về giao cho K (V thuê N1 vận chuyển 01 chuyến với giá tiền là 3.000.000 đồng), sau đó N1 kêu Sơn Quốc A cùng đi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 19-6-2019, N1 điều khiển ô tô nhãn hiệu Toyota Innova mang biển kiểm soát 83A-xxx.xx (N1 thuê xe ô tô của người khác) chở Quốc A đi quận O vận chuyển thuốc lá như thỏa thuận với V. Khi đến quận O, V đã đưa cho N1 70.000.000 đồng để trả tiền thuốc lá nhập lậu cho NLQ4. Tại nhà NLQ4, N1 gặp NLQ5 (là con NLQ4), N1 giao số tiền 70.000.000 đồng cho NLQ 5, rồi NLQ 5 giao thuốc lá ra xe cho N1 và Quốc A với số lượng là 7.000 bao (trong đó, 5.500 bao thuốc lá hiệu Scott và 1.500 bao thuốc lá hiệu Hero). Nhận thuốc lá xong, Quốc A điều khiển xe chở N1 chạy về thị trấn P, huyện T để giao cho K. Khi gần đến nơi, N1 báo cho V và V chỉ cho N1 địa chỉ nhà K, đồng thời V báo cho K chuẩn bị nhận thuốc lá. Đối với Phan Hồng L, sau khi được K thông báo cho biết về thời gian, địa điểm V giao thuốc lá, L rủ thêm Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Nguyễn Hoàng C, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ đi xuống Sóc Trăng để gặp V đòi nợ, L thuê 02 xe ô tô thuê của người khác để cả nhóm làm phương tiện đi xuống Sóc Trăng (gồm xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios mang biển kiểm soát NL51F-xxx.xx và xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner mang biển kiểm soát NL51A-xxx.xx). Khi đi tất cả đều biết rõ xuống Sóc Trăng gặp V để đòi nợ và L có nói bằng mọi giá phải lấy được tiền và có mang theo các hung khí gồm 01 cây kiếm, 01 cây dao rựa, 01 súng bút tự chế, 01 bình xịt hơi cay. Đồng thời,

cả hai xe ô tô đều được gắn biển kiểm soát giả chồng lên biển kiểm soát thật. Đến vào lúc khoảng 22 giờ ngày 19-6-2018, L điều khiển xe ô tô Vios chở N, T1, Đ dừng xe ở cây xăng đối diện cửa nhà Nguyễn Thị K; còn T điều khiển xe ô tô Fortuner chở Hải, C, T2 đỗ ở Bên xe thị trấn P, huyện T để chờ thông tin của L. Đến vào lúc khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Quốc A và N1 đến nhà K để giao thuốc lá, N1 ra hiệu cho Quốc A lùi xe vào nhà K để chuẩn bị giao thuốc lá, rồi N1 xuống xe đứng vệ sinh cặp lộ. Lúc này, K điện thoại cho L biết việc V giao thuốc lá. L điện thoại cho T biết thông tin, thì H, C xuống xe đi bộ về hướng nhà của K đi ngang qua mặt của N1 để kiểm tra có phải là V không, còn L và T cũng chạy xe đến. Nhóm của L nhằm N1 là V nên khi thấy N1 đi về hướng xe ô tô Innova chở thuốc lá thì H và C chạy đến không chế bắt giữ N1, N1 chống cự bỏ chạy ra giữa lộ thì H, C rượt theo xô, đè N1 xuống lộ, N1 chống cự thì T và T2 cầm cây kiếm chạy đến hỗ trợ không chế N1, T2 cầm cây kiếm vung lên đe dọa chém N1 sau đó đưa cây kiếm cho C cầm tiếp tục không chế N1, lúc này L điều khiển xe chở N, T1, Đ chạy đến hỗ trợ không chế bắt giữ và đẩy N1 lên xe để chở đi Bạc Liêu, T1 cầm cây rựa cùng N, Đ, H, C không chế bắt giữ N1 đưa lên xe ô tô Vios mà L đang đợi sẵn. Trong lúc cả nhóm không chế bắt giữ N1, T phát hiện trên xe ô tô Innova có thuốc lá và chìa khóa để sẵn trên xe, T quay ra thông báo cho cả nhóm biết, lúc này trong nhóm có người nói “lấy xe đi luôn” thì T lấy xe Innova chạy về hướng Bạc Liêu. Sau khi T1, Đ, N không chế bắt giữ đẩy N1 lên xe ô tô Vios, do xe không khóa chốt cửa nên N1 đã mở cửa bỏ chạy ra ngoài, thấy vậy N cầm súng bút bi rượt theo và bắn một phát đạn trúng vào thắt lưng bên trái của N1, N1 bỏ chạy một đoạn vấp té, đứng lên và chạy tiếp trốn vào trong nhà của người dân gần đó, rồi điện thoại cho V biết việc xe chở thuốc lá bị người khác lấy. Sau khi N1 chạy thoát thì cả nhóm của L lên xe ô tô chạy về hướng Bạc Liêu, trong đó T là người lái xe ô tô Innova 83A-xxx.xx. Khi đến địa phận tỉnh Bạc Liêu, nhóm của L dừng xe lấy biển kiểm soát 51G-xxx.xx (biển giả) từ xe Vios gắn chồng lên biển số thật của xe Innova 83A-xxx.xx, rồi cùng nhau tiếp tục chạy về huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, L và T đã đem bán cho bà NLQ2 5.200 bao thuốc lá hiệu Scott (do quá trình vận chuyển thất lạc 300 bao) được số tiền là 65.520.000 đồng, bán cho bà NLQ3 1.500 bao thuốc lá hiệu Hero được số tiền là 21.300.000 đồng, tổng số tiền bán thuốc lá có được là 86.820.000 đồng đều được L quản lý, sử dụng. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova mang biển kiểm soát 83A-xxx.xx thì T đem về tỉnh Đồng Nai thuê người khác sơn sửa lại màu khác rồi tiếp tục sử dụng. Đối với 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 lấy được trên xe của N1 thì N lấy sử dụng sau đó làm hỏng và bỏ lại tại nhà của L. Sau khi vụ án xảy ra, K không cung cấp thông tin chính xác về vụ án cho cơ quan điều tra, sau đó khi cơ quan điều tra đấu tranh làm rõ nội dung vụ án thì K mới khai báo sự thật về vụ án.

[5] Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng N1 do thương tích gây nên là 04%. Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo L, T, H, T1, N, C, T2, Đ đã chiếm đoạt là

470.200.000 đồng. Theo kết luận giám định, súng bút tự chế và đạn mà bị cáo N sử dụng bắn N1 là không phải là vũ khí quân dụng.

[6] Các bị cáo L, T, H, T1, N, C, T2, Đ, K, V, N1 và Quốc A là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[7] Các bị cáo L, T, H, T1, N, C, T2 và Đ đã có hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của N1 và tài sản mà N1 đang được giao quản lý với tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 470.200.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo L, T, H, T1, N, C, T2 và Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại N1, các bị cáo không có sự câu kết, phân công vai trò chặt chẽ mà chỉ thuộc trường hợp phạm tội giản đơn.

[8] Đối với bị cáo K khi liên hệ đặt mua thuốc lá điều nhập lậu của V là nhằm giúp cho L gặp được V để đòi nợ, K không biết được việc L và đồng phạm sẽ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và mục đích của K là không phải mua bán thuốc lá điều nhập lậu để thu lợi bất chính. Do đó, không đủ căn cứ xác định K là đồng phạm với bị cáo L và K có hành vi buôn bán hàng cấm. Tuy nhiên, bị cáo K là người biết thông tin về sự việc bị cáo L và đồng phạm thực hiện hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của N1 và tài sản mà N1 được giao quản lý nhưng bị cáo K không cung cấp cho cơ quan điều tra thông tin về hành vi của L và đồng phạm, điều này gây khó khăn cho quá trình điều tra, khám phá án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo K phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Phú V có hành vi mua đi bán lại hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu với số lượng là 7.000 bao để thu lợi bất chính. Do đó, hành vi của bị cáo V phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[10] Bị cáo N1 có hành vi thuê xe ô tô của người khác để vận chuyển thuê cho bị cáo V hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu từ quận O về huyện T với số lượng là 7.000 bao. Vì vậy, bị cáo N1 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo Sơn Quốc A biết rõ việc N1 vận chuyển hàng cấm nhưng Quốc A vẫn tham gia khi được N1 thuê và Quốc A đã giúp sức tích cực cho N1 thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Quốc A cũng phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ và phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[11] Đối với bị cáo V khai nhận ngoài lần buôn bán thuốc lá điều nhập lậu như trên thì trước đó còn nhiều lần thực hiện buôn bán thuốc lá điều nhập lậu với K và với người khác. Đối với các bị cáo N1 và Quốc A khai nhận ngoài lần vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho V như trên thì trước đó còn N lần thực hiện vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho V. Đối với NLC2 khai nhận có cùng đi với

Quốc A nhưng không biết việc Quốc A vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu và NLC1 khai nhận có đi cùng Quốc A vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu nhưng không nhớ cụ thể thời gian, số lượng. Tuy nhiên, cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không đề nghị xem xét, xử lý.

[12] Đối với hành vi của mua bán thuốc lá điều nhập lậu của Phan Hồng L, NLQ4, NLQ2, S, NLQ6, NLQ5 thì cơ quan điều tra đã thông báo thông tin về tội phạm cho cơ quan điều tra thành phố Bạc Liêu, quận O, quận Thốt Nốt, thành phố Phan Thiết, thành phố Biên Hòa xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan nêu trên T hành điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo L, T, H, T1, N, C, T2 và Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, quản lý tài sản của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, cần xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[14] Đối với bị cáo Phan Hồng L là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án cướp tài sản, bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị phương tiện và cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại và chính bị cáo là người quản lý, sử dụng số tiền bán tài sản do phạm tội mà có. Với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị L, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo L là người chưa có tiền án, tiền sự; nộp số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình của bị cáo có công với cách mạng và bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa của bị cáo L, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình đối với bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[15] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người vai trò thứ hai trong vụ án cướp tài sản, cùng với bị cáo L, bị cáo T là người tích cực thực hiện tội phạm nhất và chính bị cáo là người quản lý, sử dụng xe ô tô đã chiếm đoạt của bị hại N1. Đồng thời, bị cáo T là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “Vận chuyển hàng cấm”. Với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo T đã thực hiện và đặc điểm nhân thân của bị cáo T, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng và bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo T, áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình đối với bị cáo T. Đồng thời, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 55 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt chung mà bị cáo T phải chấp hành đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 17-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử phạt bị cáo T 06 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

[16] Đối với các bị cáo Trần Thanh H và Nguyễn Hoàng C là người giữ vai trò thứ ba trong vụ án cướp tài sản, các bị cáo H và C là những người đầu tiên dùng vũ lực không chế bị hại N1, tạo điều kiện để T trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đồng thời, các bị cáo H và C mặc dù khi phạm tội không có tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo H đã 02 lần bị kết án, bị cáo C đã 01 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cả hai bị cáo đều đã nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt; riêng bị cáo C đã đầu thú sau khi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, Hội đồng xét xử sẽ quyết định một mức án tù nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[17] Đối với bị cáo Phạm Ngọc N là người được bị cáo L rủ rê đi cùng để giúp sức cho bị cáo L, nhưng thực tế vụ án cho thấy bị cáo N rất quyết tâm thực hiện tội phạm, sau khi cùng các bị cáo không chế được bị hại N1 nhưng bị hại N1 bỏ chạy thì chính bị cáo N là người dùng súng bít tạt chế bắn bị hại N1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04%. Với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo N là người chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng và bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình đối với bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[18] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, chính bị cáo là người đã dùng cây dao rựa cùng các bị cáo khác khống chế bị hại N1 để tạo điều kiện cho bị cáo T trực tiếp cướp tài sản của bị hại N1. Bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nộp số tiền

5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú sau khi phạm tội và bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời, do bị cáo T1 phạm tội mới trong thời gian thử thách nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 5 Điều 65 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo T1 chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HS-ST ngày 19-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và tổng hợp hình phạt với bản án này.

[19] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa của các bị cáo L, T, H, C, T1, N, về việc áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để lượng hình đối với các bị cáo là không phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được áp dụng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[20] Đối với các bị cáo Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, chính các bị cáo đã cùng các bị cáo khác khống chế bị hại N1 để tạo điều kiện cho bị cáo T trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại N1. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo T2 và Đ chưa có tiền án, tiền sự; mỗi bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú sau khi phạm tội; gia đình các bị cáo có công với cách mạng và bị hại N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[21] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị K là nguy hiểm cho xã hội, đã làm cho quá trình điều tra, khám phá án gặp rất N khó khăn. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo không có tiền án, có 02 tiền sự nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính đã quá sáu tháng và trong vụ án này bị cáo giữ vai trò không đáng kể. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng đối với bị cáo. Đồng thời, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65

của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Trong thời gian thử thách, bị cáo K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[22] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phú V là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu với số lượng rất lớn để thu lợi bất chính. Bị cáo V là người có nhân thân xấu, mặc dù tại thời điểm phạm tội không có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu”, đồng thời cũng trong vụ án này, bị cáo bị bắt trong trường hợp truy nã. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[23] Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N1 là người giữ vai trò chính trong vụ án đối với tội “Vận chuyển hàng cấm”, hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu có số lượng rất lớn, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú sau khi phạm tội; bị cáo có N thành tích xuất sắc trong công tác; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[24] Đối với bị cáo Sơn Quốc A là người giữ đồng phạm trong vụ án đối với tội “Vận chuyển hàng cấm”, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã hợp tác tích cực với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc Khmer, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[25] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy đối với vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với tiền do phạm tội mà có; tiếp tục quản lý vật chứng là tài sản của bị cáo để đảm bảo thi hành án; tiếp tục quản lý, lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với vật chứng là chứng cứ của vụ án. Cụ

thể như sau:

[26] Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: 02 (Hai) biển số xe mang số 51F-xxx.xx (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động, loại Iphone 6, nhãn Apple (loại 16GB), màu vàng-đồng (đã niêm phong); 01 (Một) áo sơ mi bằng vải ngắn tay, trên áo có sọc ca rô nhỏ màu trắng-xanh phía trên phần túi áo có chữ BIGAQUOS phần phía sau lưng áo vị trí ở dưới đạt áo có dính nhiều chất dịch màu nâu đã khô ngay vùng có dính nhiều chất dịch màu nâu có một lỗ rách (lỗ thủng) có kích thước 01 x 05 cm (đã niêm phong); 01 (Một) cây súng tự chế (có tên gọi là súng bút) làm bằng kim loại màu trắng, có chiều dài 16 cm, nơi rộng nhất của cây súng là 03 cm, thân súng có thể tách rời thành 02 đoạn, phần sau trên thân súng có ốp nhựa màu đen, giữa thân súng có một chốt khóa dùng để bắn (đã niêm phong); 01 (Một) vỏ đạn có chiều dài 1,5 cm được làm bằng kim loại màu vàng, phần cuối vỏ đạn bị móp và có in chữ C (đã niêm phong); 02 (Hai) biển số xe mang số 51F-xxx.xx (đã niêm phong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh-đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 355220/05/273992/2, IMEI 2: 355220/05/273993/0, trong máy điện thoại có hai sim điện thoại mang số 0974.327.865 và 01214.838.486 (đã niêm phong); 01 (Một) viên đạn tự chế, kích thước 2,5 x 0,5 cm; 01 (Một) bình xịt hơi cay có vỏ kim loại màu xanh, nắp nhựa màu đen bên trên vỏ kim loại có in nhiều chữ và ký hiệu màu trắng-đỏ; 01 (Một) cây dao loại lớn dài 71 cm, phần lưỡi dài 39 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 06 cm, mũi bằng, cán dao dài 32 cm được làm bằng gỗ có một đầu được bọc bằng kim loại (đã niêm phong); 01 (Một) cây kim loại (tên thường gọi là gậy vũ ba đoạn) làm bằng kim loại màu đen dài 64 cm, có một đầu bọc nhựa đen, khi được thu ngắn có chiều dài 24 cm, cấu tạo từ 03 ống kim loại có đường kính khác nhau ráp thành (đã niêm phong); 01 (Một) cây kiếm (có tên gọi khác là kiếm Nhật) dài 01 m, bao gồm vỏ và thân kiếm, vỏ kiếm bằng gỗ dài 74 cm, được sơn màu đen, thân kiếm dài 95 cm, thân kiếm cấu tạo gồm cán kiếm bằng gỗ dài 26 cm, bên ngoài được quấn dây vải màu đen và lưỡi kiếm bằng kim loại màu trắng dài 69 cm, có mũi nhọn (đã niêm phong).

[28] Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với các vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh-đen, đã qua sử dụng có số IMEI 353681084597343, trong máy điện thoại có sim điện thoại mang số 0977304343 (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, bên ngoài có dán một lớp keo trong, có số IMEI 1: 356007088182345, IMEI 2: 356007088182352, trong máy điện thoại có hai sim điện thoại mang số 0909.003.392 và 0949.976.778 (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu xám-đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 353691/05/782952/4, trong điện thoại có gắn thẻ sim mang số 01237.529.432; số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) do Nguyễn Hoàng N1 giao nộp theo Biên lai thu tiền số 009886 ngày 25-4-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm ngàn đồng) do NLQ2 giao nộp theo Biên lai thu tiền số 009887 ngày 25-4-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

[29] Tiếp tục quản lý vật chứng là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đốm) để đảm bảo thi hành án: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu đen, đã qua sử dụng, có dán một lớp keo trong ở mặt trước và mặt sau của máy, màn hình cảm ứng bị một điểm ố vàng, số IMEI1: 353415081337308/01, IMEI2: 353416081337306/01 bên trong máy điện thoại có sim điện thoại mang số 0937.374.446 (đã niêm phong).

[30] Tiếp tục quản lý, lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với các vật chứng sau: 04 (Bốn) USB có chứa các đoạn ghi hình dữ liệu thông tin xe qua trạm ở các trạm thu phí Cần Thơ-An Giang (T1, T2), Cần Thơ-Phụng Hiệp (Cái Răng), Sóc Trăng, Bạc Liêu; 01 (Một) USB có chứa đoạn ghi hình lại hành vi cướp tài sản do Lâm T2 Vương giao nộp; 01 (Một) USB có chứa 02 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa Thẻ và V do NLC4 giao nộp.

[31] Về tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với tiền do bán tài sản do phạm tội mà có: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L Anh) nộp lại số tiền 86.820.000 đồng do bán tài sản do phạm tội mà có, để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[32] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, Nguyễn Hoàng N1 xác định đã nhận được số tiền 38.000.000 đồng do các bị cáo khác bồi thường; N1 yêu cầu và các bị cáo L, T, H, C, T1, N, T2, Đ thống nhất tiếp tục bồi thường cho N1 số tiền là 35.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo L, T, H, C, T1, N, T2 và Đ tiếp tục bồi thường cho bị hại N1 tương xứng với mức độ lỗi của từng bị cáo theo quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, các bị cáo L và N, mỗi bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại N1 số tiền là 5.500.000 đồng; các bị cáo T, H, C, T1, T2 và Đ, mỗi bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại N1 số tiền là 4.000.000 đồng.

[33] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 23 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ, mỗi bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[34] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; khoản 1 Điều 390; điểm b khoản 3 Điều 190 và điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tuyên bố: Các bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L Anh), Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đóm), Trần Thanh H (Tên gọi khác: Thâm), Nguyễn Hoàng C (Tên gọi khác: Lùn), Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 Miên), Phạm Ngọc N (Tên gọi khác: Lọ), Trần Ngọc T2 (Tên gọi khác: Duy Mỏ Lết) và Phan Hải Đ (Tên gọi khác: Cu Đen) phạm tội “Cuớp tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị K (Tên gọi khác: Mỹ K) phạm tội “Không tố giác tội phạm”; bị cáo Nguyễn Phú V phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Nguyễn Hoàng N1 và Sơn Quốc A phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L A).

Xử phạt bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L A) 14 (Mười bốn) năm tù, được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 14-7-2018 đến ngày 23-4-2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38; khoản 1 Điều 56 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 13 (Mười ba) năm tù. Tổng hợp đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 17-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đ) 06 (Sáu) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Hình phạt chung mà bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đóm) phải chấp hành là 19 (Mười chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh H (Tên gọi khác: T).

Xử phạt bị cáo Trần Thanh H (Tên gọi khác: T) 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng C (Tên gọi khác: L).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C (Tên gọi khác: L) 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38; khoản 5 Điều 65;

Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 M).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 M) 12 (Mười hai) năm tù.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 M) phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HS-ST ngày 19-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An. Tổng hợp hình phạt hai bản án, bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Ngọc N

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Ngọc T2

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T2 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-7-2018.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 168; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Hải Đ

Xử phạt bị cáo Phan Hải Đ 09 (Chín) năm tù, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 14-7-2018 đến ngày 26-01-2019, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị K (Tên gọi khác: M K).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K (Tên gọi khác: M K) 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày 29-8-2019. Giao bị cáo Nguyễn Thị K (Tên gọi khác: M K) cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị K (Tên gọi khác: M K) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người

được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

* Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Phú V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú V 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-01-2019.

* Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N1 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-12-2018.

* Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Sơn Quốc A.

Xử phạt bị cáo Sơn Quốc A 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-11-2018.

* Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: 02 (Hai) biển số xe mang số 51F-xxx.xx (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động, loại Iphone 6, nhãn Apple (loại 16GB), màu vàng-đồng (đã niêm phong); 01 (Một) áo sơ mi bằng vải ngắn tay, trên áo có sọc ca rô nhỏ màu trắng-xanh phía trên phần túi áo có chữ BIGAQUOS phần phía sau lưng áo vị trí ở dưới đạt áo có dính nhiều chất dịch màu nâu đã khô ngay vùng có dính nhiều chất dịch màu nâu có một lỗ rách (lỗ thủng) có kích thước 01 x 05 cm (đã niêm phong); 01 (Một) cây súng tự chế (có tên gọi là súng bút) làm bằng kim loại màu trắng, có chiều dài 16 cm, nơi rộng nhất của cây súng là 03 cm, thân súng có thể tách rời thành 02 đoạn, phần sau trên thân súng có ốp nhựa màu đen, giữa thân súng có một chốt khóa dùng để bắn (đã niêm phong); 01 (Một) vỏ đạn có chiều dài 1,5 cm được làm bằng kim loại màu vàng, phần cuối vỏ đạn bị móp và có in chữ C (đã niêm phong); 02 (Hai) biển số xe mang số 51F-xxx.xx (đã niêm phong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh-đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 355220/05/273992/2, IMEI 2: 355220/05/273993/0, trong máy điện thoại có hai sim điện thoại mang số 0974.327.865 và 01214.838.486 (đã niêm phong); 01 (Một) viên đạn tự chế, kích thước 2,5 x 0,5 cm; 01 (Một) bình xịt hơi cay có vỏ kim loại màu xanh, nắp nhựa

màu đen bên trên vỏ kim loại có in nhiều chữ và ký hiệu màu trắng-đỏ; 01 (Một) cây dao loại lớn dài 71 cm, phần lưỡi dài 39 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 06 cm, mũi bằng, cán dao dài 32 cm được làm bằng gỗ có một đầu được bọc bằng kim loại (đã niêm phong); 01 (Một) cây kim loại (tên thường gọi là gậy vũ ba đoạn) làm bằng kim loại màu đen dài 64 cm, có một đầu bọc nhựa đen, khi được thu ngắn có chiều dài 24 cm, cấu tạo từ 03 ống kim loại có đường kính khác nhau ráp thành (đã niêm phong); 01 (Một) cây kiếm (có tên gọi khác là kiếm Nhật) dài 01 m, bao gồm vỏ và thân kiếm, vỏ kiếm bằng gỗ dài 74 cm, được sơn màu đen, thân kiếm dài 95 cm, thân kiếm cấu tạo gồm cán kiếm bằng gỗ dài 26 cm, bên ngoài được quấn dây vải màu đen và lưỡi kiếm bằng kim loại màu trắng dài 69 cm, có mũi nhọn (đã niêm phong).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với các vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh-đen, đã qua sử dụng có số IMEI 353681084597343, trong máy điện thoại có sim điện thoại mang số 0977304343 (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, bên ngoài có dán một lớp keo trong, có số IMEI 1: 356007088182345, IMEI 2: 356007088182352, trong máy điện thoại có hai sim điện thoại mang số 0909.xxx.xxx và 0949.xxx.xxx (đã niêm phong); 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu xám-đen, đã qua sử dụng, có số IMEI 353691/05/782952/4, trong điện thoại có gắn thẻ sim mang số 01237.529.xxx; số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) do Nguyễn Hoàng N1 giao nộp theo Biên lai thu tiền số 009886 ngày 25-4-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm ngàn đồng) do NLQ2 giao nộp theo Biên lai thu tiền số 009887 ngày 25-4-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Tiếp tục quản lý vật chứng là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đ) để đảm bảo thi hành án: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu đen, đã qua sử dụng, có dán một lớp keo trong ở mặt trước và mặt sau của máy, màn hình cảm ứng bị một điểm ố vàng, số IMEI1: 353415081337308/01, IMEI2: 353416081337306/01 bên trong máy điện thoại có sim điện thoại mang số 0937.374.446 (đã niêm phong).

(Tất cả vật chứng nêu trên không phải là tiền mặt hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-4-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng).

- Tiếp quản quản lý, lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với các vật chứng sau: 04 (Bốn) USB có chứa các đoạn ghi hình dữ liệu thông tin xe qua trạm ở các trạm thu phí Cần Thơ-An Giang (T1, T2), Cần Thơ-Phụng Hiệp (Cái Răng), Sóc Trăng, Bạc Liêu; 01 (Một) USB có chứa đoạn ghi hình lại hành vi cướp tài sản do Lâm T2 Vương giao nộp; 01 (Một) USB có chứa 02 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa Thẻ và V do NLC4 giao nộp.

* Về tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với tiền do bán tài sản do phạm tội mà có: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử buộc bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L Anh) nộp lại số tiền 86.820.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

* Về bồi thường thiệt hại:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 587, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc các bị cáo Phan Hồng L, Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Phạm Ngọc N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ liên đới tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Hoàng N1 tổng số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể:

+ Các bị cáo Phan Hồng L và Phạm Ngọc N, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Hoàng N1 số tiền là 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm ngàn đồng).

+ Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng C, Trần Ngọc T2 và Phan Hải Đ, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Hoàng N1 số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 23 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L A), Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đ), Trần Thanh H (Tên gọi khác: T), Nguyễn Hoàng C (Tên gọi khác: L), Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 M), Phạm Ngọc N (Tên gọi khác: L), Trần Ngọc T2), Phan Hải Đ (Tên gọi khác: CĐ), Nguyễn Thị K (Tên

gọi khác: Mỹ K), Nguyễn Phú V, Nguyễn Hoàng N1 và Sơn Quốc A, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc các bị cáo Phan Hồng L (Tên gọi khác: L Anh), Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T Đ), Trần Thanh H (Tên gọi khác: T), Nguyễn Hoàng C (Tên gọi khác: L), Nguyễn Văn T1 (Tên gọi khác: T1 M), Phạm Ngọc N (Tên gọi khác: L), Trần Ngọc T2; Phan Hải Đ (Tên gọi khác: C), mỗi bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

* Về kiến nghị: Hội đồng xét xử kiến nghị các Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B (tỉnh Bạc Liêu); quận O, quận T (thành phố Cần Thơ); thành phố Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận); thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai) T hành điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi của mua bán thuốc lá điều nhập lậu của Phan Hồng L, NLQ4, NLQ2, S, NLQ6, NLQ5.

* Về quyền kháng cáo bản án:

- Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQĐT CA tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-CA tỉnh Sóc Trăng (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh Sóc Trăng (12);
- BC, BH; NLQ, LS (20);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HS, THS, VP (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ